

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổ hợp môn học lựa chọn: Vật lý, Sinh học, Tin học, Địa lý

Chuyên đề học tập: Toán học, Vật lý, Sinh học

STT	Lớp	STT hồ sơ	Họ và học sinh		Đăng ký bán trú	Giới tính	Ghi chú
1	10C01	22	Lê Thị Kim	Anh		Nữ	
2	10C01	526	Tô Hải	Đặng		Nam	
3	10C01	76	Hoàng Ngọc	Diệp	x	Nữ	
4	10C01	78	Nguyễn Thuận	Đình		Nam	
5	10C01	81	Trần Thị Hiếu	Dung	x	Nữ	
6	10C01	98	Phạm Thị Thanh	Hà		Nữ	
7	10C01	121	Nguyễn Thị Thu	Hiền	x	Nữ	
8	10C01	124	Vũ Minh	Hiếu		Nam	
9	10C01	132	Bùi Nguyễn Phi	Hùng	x	Nam	
10	10C01	165	Nguyễn Minh	Khang		Nam	
11	10C01	170	Trần Bảo	Khánh		Nam	
12	10C01	222	Nguyễn Thị Thanh	Mai		Nữ	
13	10C01	230	Vũ Quang	Minh		Nam	
14	10C01	235	Trần Bình	Minh	x	Nam	
15	10C01	260	Phạm Phương	Ngân	x	Nữ	
16	10C01	262	Phạm Xuân	Nghi	x	Nữ	
17	10C01	279	Nguyễn Khánh	Ngọc	x	Nữ	
18	10C01	287	Lâm Trần Thảo	Nguyên		Nữ	
19	10C01	299	Trần Yến	Nhi		Nữ	
20	10C01	333	Nguyễn Trần Gia	Phúc	x	Nam	
21	10C01	338	Tô Vĩnh	Phúc	x	Nam	
22	10C01	343	Phan Thành	Quan		Nam	
23	10C01	349	Nguyễn Xuân Anh	Quân	x	Nam	
24	10C01	354	Trần Đăng	Quân		Nam	
25	10C01	364	Nguyễn Như	Quỳnh		Nữ	
26	10C01	382	Trần Thanh	Thảo	x	Nữ	
27	10C01	413	Nguyễn Thị Anh	Thư	x	Nữ	
28	10C01	426	Nguyễn Bùi Anh	Thy		Nữ	
29	10C01	428	Nguyễn Hà Thủy	Tiên		Nữ	
30	10C01	447	Lê Thị Ngọc	Trân	x	Nữ	
31	10C01	449	Nguyễn Thùy	Trang	x	Nữ	
32	10C01	459	Khương Thành	Trung		Nam	
33	10C01	464	Đào Anh	Tuấn	x	Nam	
34	10C01	467	Đặng Đức	Tuấn	x	Nam	
35	10C01	475	Nguyễn Tường	Uyên		Nữ	
36	10C01	477	Nguyễn Châu Phương	Uyên		Nữ	
37	10C01	490	Phạm Thảo	Vi	x	Nữ	
38	10C01	492	Lưu Hoàng	Việt	x	Nam	
39	10C01	494	Phạm Nguyễn Ngọc	Vũ		Nam	
40	10C01	501	Nguyễn Thị Thảo	Vy		Nữ	
41	10C01	510	Phan Nguyễn Tường	Vy		Nữ	
42	10C01	512	Võ Nguyễn Hạ	Vy		Nữ	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổ hợp môn học lựa chọn: Vật lý, Sinh học, Tin học, Địa lý

Chuyên đề học tập: Toán học, Vật lý, Sinh học

STT	Lớp	STT hồ sơ	Họ và học sinh		Đăng ký bán trú	Giới tính	Ghi chú
1	10C02	14	Nguyễn Mai	Anh		Nữ	
2	10C02	34	Đặng Khánh	Băng		Nữ	
3	10C02	45	La Gia	Bảo		Nam	
4	10C02	59	Trần Văn	Chính		Nam	
5	10C02	63	Trương Hải	Đặng		Nam	
6	10C02	90	Nguyễn Anh	Duy		Nam	
7	10C02	521	Lê Đình	Duy		Nam	
8	10C02	99	Trịnh Trần Ngân	Hà		Nữ	
9	10C02	102	Giáp Hoàng	Hải		Nam	
10	10C02	114	Trịnh Gia	Hân		Nữ	
11	10C02	519	Đặng Thái	Hoà		Nam	
12	10C02	128	Đoàn Vũ	Hoàng		Nam	
13	10C02	133	Hoàng Văn	Hùng		Nam	
14	10C02	162	Phan Hoài	Khang		Nam	
15	10C02	10C03	Phạm Quốc	Khánh		Nam	
16	10C02	217	Nguyễn Tấn	Luận		Nam	
17	10C02	229	Phan Ngọc	Minh		Nam	
18	10C02	248	Lê Phạm Bảo	Nam		Nam	
19	10C02	256	Nguyễn Hoàng Thảo	Ngân		Nữ	
20	10C02	257	Phan Thị Thùy	Ngân		Nữ	
21	10C02	266	Bùi Hữu	Nghĩa		Nam	
22	10C02	282	Phạm Thị Bảo	Ngọc		Nữ	
23	10C02	285	Nguyễn Hải	Nguyên		Nam	
24	10C02	291	Nguyễn Ngô Thảo	Nguyên		Nữ	
25	10C02	305	Nguyễn Thị Bảo	Nhi		Nữ	
26	10C02	336	Nguyễn Thiện	Phúc		Nam	
27	10C02	340	Lê Trần Nam	Phương		Nữ	
28	10C02	345	Lê Đông Xuân	Quân		Nữ	
29	10C02	362	Lê Bảo	Quỳnh		Nữ	
30	10C02	380	Nguyễn Phạm Thanh	Thảo		Nữ	
31	10C02	393	Đoàn Thanh	Thiện		Nam	
32	10C02	421	Lê Thị Bảo	Thy		Nữ	
33	10C02	422	Ngô Hoàng Nhã	Thy		Nữ	
34	10C02	427	Dương Lý Thủy	Tiên		Nữ	
35	10C02	442	Bùi Vũ Ngọc	Trân		Nữ	
36	10C02	458	Trịnh Đoàn Ngọc	Trúc		Nữ	
37	10C02	474	Nguyễn Hay Ngọc	Tuyền		Nữ	
38	10C02	476	Tổng Phương	Uyên		Nữ	
39	10C02	481	Phạm Phương	Uyên		Nữ	
40	10C02	487	Nguyễn Thị Tường	Vi		Nữ	
41	10C02	502	Trần Võ Trúc	Vy		Nữ	
42	10C02	503	Bùi Minh Phương	Vy		Nữ	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổ hợp môn học lựa chọn: Vật lý, Sinh học, Tin học, Địa lý

Chuyên đề học tập: Toán học, Ngữ văn, Vật lý

STT	Lớp	STT hồ sơ	Họ và học sinh		Đăng ký bán trú	Giới tính	Ghi chú
1	10C03	11	Ngô Mai	Anh	x	Nữ	
2	10C03	32	Vũ Lê Ngọc	Ánh		Nữ	
3	10C03	43	Dương Phúc Gia	Bảo		Nam	
4	10C03	44	Hoàng Gia	Bảo	x	Nam	
5	10C03	93	Trần Thị Châu	Giang		Nữ	
6	10C03	100	Hà Huy	Hải		Nam	
7	10C03	106	Trần Hoài Bảo	Hân		Nữ	
8	10C03	110	Nguyễn Ngọc Gia	Hân		Nữ	
9	10C03	527	Liêu Quốc	Hào	x	Nam	
10	10C03	120	Châu Nguyễn Mai	Hiền		Nữ	
11	10C03	125	Nguyễn Huy	Hiệu	x	Nam	
12	10C03	134	Nguyễn Đình Tuấn	Hùng	x	Nam	
13	10C03	144	Trần Gia	Huy	x	Nam	
14	10C03	154	Nguyễn Thảo	Huyền	x	Nữ	
15	10C03	156	Trần Võ Khang	Hy		Nam	
16	10C03	169	Đào Tuấn	Khanh	x	Nam	
17	10C03	173	Nguyễn Anh	Khoa	x	Nam	
18	10C03	181	Phạm Tuấn	Kiệt	x	Nam	
19	10C03	188	Đặng Ngọc	Lâm	x	Nữ	
20	10C03	192	Dương Minh	Lễ		Nam	
21	10C03	194	Bùi Gia	Linh		Nữ	
22	10C03	202	Đặng Ngọc Trúc	Linh	x	Nữ	
23	10C03	218	Nguyễn Lâm Tấn	Lực	x	Nam	
24	10C03	224	Phạm Thị Ngọc	Mai		Nữ	
25	10C03	233	Phạm Lê Gia	Minh		Nam	
26	10C03	246	Trần Đại	Nam	x	Nam	
27	10C03	524	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	x	Nam	
28	10C03	258	Lê Hoàng Thảo	Ngân	x	Nữ	
29	10C03	288	Nguyễn Đình	Nguyên		Nam	
30	10C03	304	Nguyễn Gia Bảo	Nhi		Nữ	
31	10C03	316	Lê Trần Tâm	Như	x	Nữ	
32	10C03	350	Phạm Anh	Quân		Nam	
33	10C03	358	Nguyễn Đức	Quang		Nam	
34	10C03	386	Nguyễn Phương	Thảo		Nữ	
35	10C03	390	Lâm Quỳnh	Thi	x	Nữ	
36	10C03	400	Hoàng Gia	Thịnh		Nam	
37	10C03	407	Phùng Vũ Anh	Thư	x	Nữ	
38	10C03	424	Đặng Bảo	Thy		Nữ	
39	10C03	443	Đoàn Ngọc	Trân		Nữ	
40	10C03	457	Lê Trịnh Thanh	Trúc	x	Nữ	
41	10C03	482	Ngô Thanh	Vân		Nữ	
42	10C03	489	Nguyễn Thùy Yến	Vi		Nữ	
43	10C03	529	Huỳnh Khải	Vy	x	Nữ	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổ hợp môn học lựa chọn: Vật lý, Sinh học, Tin học, Địa lý

Chuyên đề học tập: Toán học, Ngữ văn, Vật lý

STT	Lớp	STT hồ sơ	Họ và học sinh		Đăng ký bán trú	Giới tính	Ghi chú
1	10C04	4	Đàm Thúy	An		Nữ	
2	10C04	24	Nguyễn Hoàng	Anh		Nữ	
3	10C04	38	Lương Gia	Bảo		Nam	
4	10C04	39	Phạm Gia	Bảo		Nam	
5	10C04	51	Hoàng Ngọc	Châu		Nữ	
6	10C04	57	Lê Thị Hà	Chi		Nữ	
7	10C04	65	Trần Đăng Thế	Danh		Nam	
8	10C04	88	Trần Minh	Dương		Nam	
9	10C04	97	Nguyễn Thu	Hà		Nữ	
10	10C04	105	Phan Hà Gia	Hân		Nữ	
11	10C04	118	Phạm Nguyễn Hồng	Hạnh		Nữ	
12	10C04	171	Đỗ Đăng	Khoa		Nam	
13	10C04	172	Đào Minh	Khoa		Nam	
14	10C04	177	Nguyễn Tấn Đăng	Khôi		Nam	
15	10C04	185	Lý Thiên	Kỳ		Nam	
16	10C04	189	Lê Trúc	Lâm		Nữ	
17	10C04	197	Lê Thị Thùy	Linh		Nữ	
18	10C04	205	Võ Gia	Linh		Nữ	
19	10C04	211	Huỳnh Châu	Lộc		Nữ	
20	10C04	216	Nguyễn Bá	Luân		Nam	
21	10C04	223	Nguyễn Thị Tuyết	Mai		Nữ	
22	10C04	232	Nguyễn Võ Tuấn	Minh		Nam	
23	10C04	236	Trần Quang	Minh		Nam	
24	10C04	237	Đặng Trà	My		Nữ	
25	10C04	268	Đào Thị Hồng	Ngoan		Nữ	
26	10C04	289	Nguyễn Hoàng	Nguyên		Nam	
27	10C04	522	Lương Minh	Nhật		Nam	
28	10C04	294	Ngô Mỹ Tuyết	Nhi		Nữ	
29	10C04	337	Phạm Thị Hồng	Phúc		Nữ	
30	10C04	353	Nguyễn Hoàng	Quân		Nam	
31	10C04	356	Nguyễn Thanh	Quang		Nam	
32	10C04	379	Trần Xuân	Thành		Nam	
33	10C04	387	Trịnh Nguyễn Thanh	Thảo		Nữ	
34	10C04	398	Nguyễn Gia	Thịnh		Nam	
35	10C04	516	Nguyễn Quốc	Thịnh		Nam	
36	10C04	410	Lê Anh	Thư		Nữ	
37	10C04	412	Nguyễn Ngọc Anh	Thư		Nữ	
38	10C04	435	Đặng Ngọc Bích	Trâm		Nữ	
39	10C04	455	Cao Thị Kiều	Trình		Nữ	
40	10C04	469	Nguyễn Văn	Tuấn		Nam	
41	10C04	483	Nguyễn Duy	Vân		Nữ	
42	10C04	488	Nguyễn Thị Hoàng	Vi		Nữ	
43	10C04	497	Dương Hoàng Thảo	Vy		Nữ	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổ hợp môn học lựa chọn: Vật lý, Hoá học, Tin học, Công nghệ (Nông nghiệp)

Chuyên đề học tập: Toán học, Vật lý, Hoá học

STT	Lớp	STT hồ sơ	Họ và học sinh		Đăng ký bán trú	Giới tính	Ghi chú
1	10C05	5	Đào	An		Nam	
2	10C05	6	Trần Duy	Ân	x	Nam	
3	10C05	23	Lê Việt	Anh		Nam	
4	10C05	28	Trương Kim	Anh	x	Nữ	
5	10C05	47	Nguyễn Quốc	Bảo	x	Nam	
6	10C05	56	Đinh Hà Phương	Chi		Nữ	
7	10C05	60	Lưu	Cương		Nam	
8	10C05	80	Lê Trần Anh	Đức		Nam	
9	10C05	83	Nguyễn Xuân	Dũng	x	Nam	
10	10C05	85	Đào Ngọc	Dũng		Nam	
11	10C05	94	Nguyễn Huy	Giáp		Nam	
12	10C05	95	Đỗ Trần Khánh	Hà		Nữ	
13	10C05	111	Phạm Thị Ngọc	Hân		Nữ	
14	10C05	117	Huỳnh Ngọc	Hạnh	x	Nữ	
15	10C05	129	Vũ Đỗ Huy	Hoàng	x	Nam	
16	10C05	137	Sú Duy	Hưng		Nam	
17	10C05	143	Nguyễn Nhật	Huy		Nam	
18	10C05	151	Đinh Thị	Huyền		Nữ	
19	10C05	178	Mai Cao Quý	Khôi	x	Nam	
20	10C05	183	Võ Anh	Kiệt		Nam	
21	10C05	195	Lại Nguyễn Hoàng	Linh	x	Nữ	
22	10C05	215	Mai Bảo Thiên	Luân	x	Nam	
23	10C05	221	Hồ Diệp Thanh	Mai		Nữ	
24	10C05	227	Nguyễn Duy	Minh		Nam	
25	10C05	240	Võ Thị Diễm	My	x	Nữ	
26	10C05	245	Đỗ Nhật	Nam	x	Nam	
27	10C05	249	Nguyễn Kỳ	Nam		Nam	
28	10C05	300	Cao Thị Yến	Nhi		Nữ	
29	10C05	313	Nguyễn Trần Khánh	Như		Nữ	
30	10C05	326	Lê Trường	Phát	x	Nam	
31	10C05	330	Trần Lý Khánh	Phong	x	Nam	
32	10C05	348	Nguyễn Ngọc Hoàng	Quân		Nam	
33	10C05	352	Võ Minh	Quân	x	Nam	
34	10C05	365	Nguyễn Như	Quỳnh		Nữ	
35	10C05	367	Nguyễn Phước Trường	Son		Nam	
36	10C05	374	Ngô Thành	Tâm	x	Nam	
37	10C05	415	Phan Hoàng Anh	Thư		Nữ	
38	10C05	430	Nguyễn Văn	Tiến		Nam	
39	10C05	432	Nguyễn Phương	Tín		Nam	
40	10C05	434	Nguyễn Thị Hương	Trà		Nữ	
41	10C05	462	Lê Thanh	Tú		Nam	
42	10C05	480	Phạm Lê Ngọc	Uyên		Nữ	
43	10C05	508	Nguyễn Tường	Vy	x	Nữ	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổ hợp môn học lựa chọn: Vật lý, Hoá học, Tin học, Công nghệ (Nông nghiệp)

Chuyên đề học tập: Toán học, Vật lý, Hoá học

STT	Lớp	STT hồ sơ	Họ và học sinh		Đăng ký bán trú	Giới tính	Ghi chú
1	10C06	10C04	Võ Khánh	An		Nam	
2	10C06	21	Đặng Thị Phương	Anh		Nữ	
3	10C06	27	Trần Tuấn	Anh		Nam	
4	10C06	48	Phạm Quốc	Bảo		Nam	
5	10C06	58	Nguyễn Tài	Chí		Nam	
6	10C06	69	Phùng Quang	Đạt		Nam	
7	10C06	87	Nguyễn Tấn	Dũng		Nam	
8	10C06	91	Cao Tấn	Duy		Nam	
9	10C06	113	Trần Nguyễn Trúc	Hân		Nữ	
10	10C06	122	Bùi Viết	Hiếu		Nam	
11	10C06	127	Lê Sỹ	Hoàng		Nam	
12	10C06	150	Vũ Trần Gia	Huy		Nam	
13	10C06	153	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		Nữ	
14	10C06	158	Từ Thế	Khải		Nam	
15	10C06	160	Nguyễn Phạm Nguyên	Khang		Nam	
16	10C06	175	Trần Minh	Khoa		Nam	
17	10C06	180	Trương Tiến	Kiệt		Nam	
18	10C06	187	Phan Hoàng	Lâm		Nam	
19	10C06	214	Nguyễn Hoàng	Long		Nam	
20	10C06	228	Phạm Hoàng	Minh		Nam	
21	10C06	231	Huỳnh Tấn	Minh		Nam	
22	10C06	238	Đặng Trịnh Thảo	My		Nữ	
23	10C06	243	Tô Hà	My		Nữ	
24	10C06	247	Châu Hữu	Nam		Nam	
25	10C06	253	Bùi Thảo	Ngân		Nữ	
26	10C06	264	Nguyễn Trọng	Nghĩa		Nam	
27	10C06	297	Nguyễn Thị Yến	Nhi		Nữ	
28	10C06	301	Hầu Đoàn Phương	Nhi		Nữ	
29	10C06	322	Vũ Quỳnh	Như		Nữ	
30	10C06	335	Trương Minh	Phúc		Nam	
31	10C06	342	Phan Thị Minh	Phương		Nữ	
32	10C06	344	Huỳnh Mạnh	Quân		Nam	
33	10C06	346	Nguyễn Kỳ	Quân		Nam	
34	10C06	355	Nguyễn Phùng Vinh	Quang		Nam	
35	10C06	395	Huỳnh Bá	Thiện		Nam	
36	10C06	409	Đỗ Nguyễn Anh	Thư		Nữ	
37	10C06	419	Nguyễn Ngọc Thanh	Thùy		Nữ	
38	10C06	425	Nguyễn Bảo	Thy		Nữ	
39	10C06	433	Dương Minh	Toàn		Nam	
40	10C06	441	Trình Nguyễn Bảo	Trâm		Nữ	
41	10C06	463	Nguyễn Anh	Tú		Nam	
42	10C06	499	Nguyễn Ngọc Tường	Vy		Nữ	
43	10C06	507	Nguyễn Thị Thanh	Vy		Nữ	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổ hợp môn học lựa chọn: Vật lý, Hoá học, Tin học, Công nghệ (Công nghiệp)

Chuyên đề học tập: Toán học, Vật lý, Hoá học

STT	Lớp	STT hồ sơ	Họ và học sinh		Đăng ký bán trú	Giới tính	Ghi chú
1	10C07	2	Phan Ngọc Lê	An	x	Nữ	
2	10C07	12	Nguyễn Đức Hoàng	Anh		Nam	
3	10C07	41	Cái Phúc Gia	Bảo		Nam	
4	10C07	49	Trần Hà Thiên	Bảo	x	Nam	
5	10C07	62	Phạm Hoàng Lin	Đan	x	Nữ	
6	10C07	71	Võ Thành	Đạt		Nam	
7	10C07	75	Nguyễn Ngọc Kiều	Diễm		Nữ	
8	10C07	79	Nguyễn Trần Anh	Du		Nam	
9	10C07	82	Nguyễn Quốc	Dũng	x	Nam	
10	10C07	101	Nguyễn Hoàng	Hải	x	Nam	
11	10C07	104	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hân		Nữ	
12	10C07	112	Phan Ngọc	Hân	x	Nữ	
13	10C07	130	Nguyễn Đức	Hợp	x	Nam	
14	10C07	131	Trương Việt	Hùng	x	Nam	
15	10C07	135	Nguyễn Đức	Hùng	x	Nam	
16	10C07	136	Mai Quốc	Hưng	x	Nam	
17	10C07	145	Vũ Đức Quang	Huy	x	Nam	
18	10C07	159	Lâm Vĩnh	Khang	x	Nam	
19	10C07	161	Phạm Nguyễn Gia	Khang	x	Nam	
20	10C07	163	Phan Lê Duy	Khang	x	Nam	
21	10C07	190	Phạm Lê Hoàng Sơn	Lâm	x	Nam	
22	10C07	196	Lê Ngọc	Linh	x	Nữ	
23	10C07	209	Trần Hữu	Lộc	x	Nam	
24	10C07	213	Phạm Minh	Long	x	Nam	
25	10C07	225	Nguyễn Duy	Mạnh	x	Nam	
26	10C07	234	Phạm Lê Hoàng	Minh	x	Nam	
27	10C07	239	Liêu Khả Ái	My	x	Nữ	
28	10C07	10C03	Trần Ngọc Thùy	My	x	Nữ	
29	10C07	292	Trần	Nguyễn	x	Nam	
30	10C07	311	Vũ Thị Tuyết	Nhi	x	Nữ	
31	10C07	312	Lê Quỳnh	Như	x	Nữ	
32	10C07	327	Nguyễn Tấn	Phát	x	Nam	
33	10C07	329	Phạm Tuấn	Phong	x	Nam	
34	10C07	339	Võ Hoàng	Phúc	x	Nam	
35	10C07	377	Bùi Hoàng	Thái	x	Nam	
36	10C07	378	Ngô Đức	Thắng	x	Nam	
37	10C07	440	Huỳnh Thị Hải	Trâm		Nữ	
38	10C07	452	Huỳnh Mai	Trắng	x	Nữ	
39	10C07	453	Vũ Hoàng Hải	Triều	x	Nữ	
40	10C07	454	Phan Thị Diễm	Trinh		Nữ	
41	10C07	486	Nguyễn Thảo	Vi	x	Nữ	
42	10C07	498	Lâm Thị Ngọc	Vy		Nữ	
43	10C07	504	Đặng Yến	Vy		Nữ	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổ hợp môn học lựa chọn: Vật lý, Hoá học, Tin học, Công nghệ (Công nghiệp)

Chuyên đề học tập: Toán học, Vật lý, Hoá học

STT	Lớp	STT hồ sơ	Họ và học sinh		Đăng ký bán trú	Giới tính	Ghi chú
1	10C08	17	Phạm Lê Tuấn	Anh		Nam	
2	10C08	25	Phạm Trần Hoàng	Anh		Nam	
3	10C08	33	Lê Trung	Bắc		Nam	
4	10C08	42	Đặng Nguyễn Gia	Bảo		Nam	
5	10C08	50	Ninh Văn	Biên		Nam	
6	10C08	68	Nguyễn Tấn	Đạt		Nam	
7	10C08	84	Trần Tấn	Dũng		Nam	
8	10C08	103	Huỳnh Hiếu	Hân		Nữ	
9	10C08	115	Lê Thị Dịu	Hằng		Nữ	
10	10C08	119	Võ Tấn	Hào		Nam	
11	10C08	123	Phùng Lê	Hiếu		Nam	
12	10C08	140	Ngô Nguyễn Hoàng	Huy		Nam	
13	10C08	142	Nguyễn Lê Quốc	Huy		Nam	
14	10C08	167	Phạm Thuận	Khang		Nam	
15	10C08	184	Đào Thư	Kỳ		Nữ	
16	10C08	193	Huỳnh Thanh	Liêm		Nam	
17	10C08	203	Nguyễn Thanh Trúc	Linh		Nữ	
18	10C08	226	Lê Đặng Nhật	Minh		Nam	
19	10C08	250	Phan Hoài	Nam		Nam	
20	10C08	251	Trần Quốc Bảo	Nam		Nam	
21	10C08	265	Tăng Xuân	Nghĩa		Nam	
22	10C08	269	Nguyễn Bảo	Ngọc		Nữ	
23	10C08	295	Nguyễn Thị Minh	Nhi		Nữ	
24	10C08	298	Nguyễn Thị Yến	Nhi		Nữ	
25	10C08	314	Trần Nguyễn Bảo	Như		Nữ	
26	10C08	315	Trịnh Thị Bích	Như		Nữ	
27	10C08	331	Trần Thanh	Phong		Nam	
28	10C08	334	Phạm Nguyễn Hữu	Phúc		Nam	
29	10C08	341	Phạm Thanh	Phương		Nam	
30	10C08	351	Trương Đình Minh	Quân		Nam	
31	10C08	366	Trần Văn Như	Quỳnh		Nữ	
32	10C08	370	Nguyễn Ngọc Trường	Son		Nam	
33	10C08	373	Đới Thị Thanh	Tâm		Nữ	
34	10C08	392	Nguyễn Đăng	Thiên		Nam	
35	10C08	402	Trương Phú Trường	Thịnh		Nam	
36	10C08	423	Trần Ngọc Mai	Thy		Nữ	
37	10C08	437	Hồ Quỳnh	Trâm		Nữ	
38	10C08	466	Phạm Minh	Tuấn		Nam	
39	10C08	472	Trần Ngọc Thanh	Tuyền		Nữ	
40	10C08	491	Trần Thị Thủy	Vi		Nữ	
41	10C08	495	Võ Anh	Vũ		Nam	
42	10C08	500	Nguyễn Ngọc Yến	Vy		Nữ	
43	10C08	514	Dương Ngọc	Yến		Nữ	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổ hợp môn học lựa chọn: Vật lý, Hoá học, Tin học, Địa lý

Chuyên đề học tập: Toán học, Vật lý, Hoá học

STT	Lớp	STT hồ sơ	Họ và học sinh		Đăng ký bán trú	Giới tính	Ghi chú
1	10C09	8	Lê Hồng	Anh		Nam	
2	10C09	9	Lê Nam	Anh		Nữ	
3	10C09	13	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh		Nữ	
4	10C09	19	Trương	Anh		Nữ	
5	10C09	20	Đặng Châu	Anh		Nữ	
6	10C09	31	Lê Nguyễn Ngọc	Ánh		Nữ	
7	10C09	40	Trần Thiên	Bảo		Nam	
8	10C09	66	Đàm Thành	Đạt		Nam	
9	10C09	89	Đỗ Ngọc Bảo	Duy		Nam	
10	10C09	92	Đỗ Thùy	Duyên		Nữ	
11	10C09	126	Đinh Văn Duy	Hoàng		Nam	
12	10C09	146	La Văn	Huy	x	Nam	
13	10C09	147	Lê Nguyễn Anh	Huy	x	Nam	
14	10C09	148	Lương Ngọc	Huy		Nam	
15	10C09	149	Nguyễn Hoàng	Huy		Nam	
16	10C09	164	Trần Gia	Khang		Nam	
17	10C09	168	Trần Đình	Khang		Nam	
18	10C09	174	Sùi Nguyễn Đăng	Khoa		Nam	
19	10C09	176	Trần Nguyễn Đăng	Khoa		Nam	
20	10C09	179	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khôi		Nam	
21	10C09	182	Phạm Tuấn	Kiệt		Nam	
22	10C09	198	Nguyễn Khánh	Linh		Nữ	
23	10C09	200	Nguyễn Tuyết	Linh	x	Nữ	
24	10C09	207	Nguyễn Mai	Loan		Nữ	
25	10C09	244	Nguyễn Thị Lin	Na		Nữ	
26	10C09	267	Phạm Hoài	Nghĩa		Nam	
27	10C09	275	Thiệu Khánh	Ngọc		Nữ	
28	10C09	276	Cao Bùi Khánh	Ngọc	x	Nữ	
29	10C09	277	Cao Mỹ	Ngọc		Nữ	
30	10C09	317	Nguyễn Hoàng Gia	Như		Nữ	
31	10C09	320	Trần Nguyễn Quỳnh	Như		Nữ	
32	10C09	324	Bùi Thành	Phát		Nam	
33	10C09	325	Lê Đình Trọng	Phát		Nam	
34	10C09	347	Nguyễn Minh	Quân		Nam	
35	10C09	357	Trần Minh	Quang		Nam	
36	10C09	360	Phạm Khánh	Quyền		Nam	
37	10C09	381	Nguyễn Phương	Thảo	x	Nữ	
38	10C09	396	Nguyễn Lê	Thiện	x	Nam	
39	10C09	401	Phạm Đức	Thịnh		Nam	
40	10C09	523	Vũ Tiến	Thịnh		Nam	
41	10C09	420	Nguyễn Hoàng Ngọc	Thủy	x	Nữ	
42	10C09	448	Nguyễn Hoàng Thảo	Trang	x	Nữ	
43	10C09	465	Lê Huỳnh Bảo	Tuấn		Nam	
44	10C09	468	Nguyễn Quốc	Tuấn		Nam	
45	10C09	470	Dương Gia	Tuệ		Nữ	
46	10C09	473	Trần Thị Bích	Tuyền	x	Nữ	
47	10C09	493	Hồ Minh	Vũ		Nam	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổ hợp môn học lựa chọn: Hoá học, Sinh học, Tin học, Địa lý

Chuyên đề học tập: Toán học, Hoá học, Sinh học

STT	Lớp	STT hồ sơ	Họ và học sinh		Đăng ký bán trú	Giới tính	Ghi chú
1	10C10	7	Bùi Ngọc Phương	Anh		Nữ	
2	10C10	18	Trần Thị Mai	Anh		Nữ	
3	10C10	520	Phạm Minh	Anh		Nữ	
4	10C10	29	Lê Nguyễn Ngọc	Ánh		Nữ	
5	10C10	35	Huỳnh Gia	Bảo		Nam	
6	10C10	37	Lê Phúc	Bảo		Nam	
7	10C10	72	Trần Minh	Đạt		Nam	
8	10C10	74	Trần Phạm Phương	Diễm		Nữ	
9	10C10	116	Nguyễn Minh	Hằng		Nữ	
10	10C10	141	Nguyễn Đăng	Huy		Nam	
11	10C10	152	Doãn Ngọc Khánh	Huyền		Nữ	
12	10C10	186	Phạm Thiên	Kỳ		Nam	
13	10C10	201	Từ Thị Khánh	Linh		Nữ	
14	10C10	210	Trần Phúc	Lộc		Nam	
15	10C10	220	Trần Thị Khánh	Ly		Nữ	
16	10C10	252	Lê Bùi Thanh	Nga		Nữ	
17	10C10	254	Lê Phương Bảo	Ngân		Nữ	
18	10C10	259	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân		Nữ	
19	10C10	263	Lưu Tấn	Nghĩa		Nam	
20	10C10	273	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc		Nữ	
21	10C10	280	Nguyễn Khánh	Ngọc		Nữ	
22	10C10	283	Trần Bảo	Ngọc		Nữ	
23	10C10	290	Nguyễn Lưu Thảo	Nguyên		Nữ	
24	10C10	293	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn		Nữ	
25	10C10	296	Nguyễn Thị Ý	Nhi		Nữ	
26	10C10	310	Phan Hồng Tuyết	Nhi		Nữ	
27	10C10	323	Đinh Vũ Hồng	Nhung		Nữ	
28	10C10	328	Trần Quốc	Phong		Nam	
29	10C10	359	Lê Văn	Quyền		Nam	
30	10C10	363	Hồ Như	Quỳnh		Nữ	
31	10C10	371	Phạm Thế	Son		Nam	
32	10C10	384	Đoàn Thị Ngọc	Thảo		Nữ	
33	10C10	385	Lê Phạm Phương	Thảo		Nữ	
34	10C10	388	Võ Thị Thanh	Thảo		Nữ	
35	10C10	389	Vương Kim	Thảo		Nữ	
36	10C10	399	Nguyễn Tuấn	Thịnh		Nam	
37	10C10	406	Lê Nguyễn Anh	Thư		Nữ	
38	10C10	414	Nguyễn Thục Quỳnh	Thư		Nữ	
39	10C10	417	Vương Kim	Thuận		Nữ	
40	10C10	438	Phan Nguyễn Ngọc	Trâm		Nữ	
41	10C10	445	Huỳnh Ngọc	Trân		Nữ	
42	10C10	451	Lương Thị Thu	Trang		Nữ	
43	10C10	471	Nguyễn Lê Cát	Tường		Nữ	
44	10C10	478	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên		Nữ	
45	10C10	479	Nguyễn Thị Tố	Uyên		Nữ	
46	10C10	485	Nguyễn Đào Tuyết	Vi		Nữ	
47	10C10	496	Bùi Hà	Vy		Nữ	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổ hợp môn học lựa chọn: Hoá học, Sinh học, Tin học, Địa lý

Chuyên đề học tập: Toán học, Hoá học, Sinh học

STT	Lớp	STT hồ sơ	Họ và học sinh		Đăng ký bán trú	Giới tính	Ghi chú
1	10C11	1	Lưu Trương Hà	An		Nữ	
2	10C11	10	Mai Quỳnh	Anh	x	Nữ	
3	10C11	16	Nguyễn Thị Phương	Anh	x	Nữ	
4	10C11	26	Trần Quỳnh	Anh	x	Nữ	
5	10C11	36	Huỳnh Phước	Bảo	x	Nam	
6	10C11	54	Phạm Minh	Châu	x	Nữ	
7	10C11	55	Trần Phạm Bảo	Châu	x	Nữ	
8	10C11	67	Lê Minh	Đạt	x	Nam	
9	10C11	73	Nguyễn Huỳnh Kiều	Diễm	x	Nữ	
10	10C11	77	Phạm Nguyễn Ngọc	Điệp	x	Nữ	
11	10C11	96	Nguyễn Thị Thúy	Hà	x	Nữ	
12	10C11	155	Võ Thị Phương	Huyền		Nữ	
13	10C11	166	Nguyễn Phạm Minh	Khang	x	Nam	
14	10C11	199	Nguyễn Mai Thùy	Linh	x	Nữ	
15	10C11	208	Phạm Văn	Lộc	x	Nam	
16	10C11	219	Mai Diệu	Ly		Nữ	
17	10C11	241	Đào Thị Hà	My	x	Nữ	
18	10C11	255	Nguyễn Đỗ Khánh	Ngân	x	Nữ	
19	10C11	261	Võ Ngọc	Ngân	x	Nữ	
20	10C11	270	Nguyễn Hoàng	Ngọc	x	Nữ	
21	10C11	272	Nguyễn Thị Sương	Ngọc	x	Nữ	
22	10C11	274	Phạm Nguyễn Bích	Ngọc	x	Nữ	
23	10C11	278	Luyện Bảo	Ngọc	x	Nữ	
24	10C11	286	Đỗ Thảo	Nguyên		Nữ	
25	10C11	302	Huỳnh Phan Uyển	Nhi	x	Nữ	
26	10C11	306	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	x	Nữ	
27	10C11	309	Nguyễn Võ Ái	Nhi	x	Nữ	
28	10C11	321	Trần Quỳnh	Như	x	Nữ	
29	10C11	528	Nguyễn Việt	Phong		Nam	
30	10C11	369	Trịnh Xuân	Son	x	Nam	
31	10C11	375	Nguyễn Xuân	Tân	x	Nam	
32	10C11	376	Trần Đình Anh	Tân	x	Nam	
33	10C11	383	Võ Phạm Thanh	Thảo		Nữ	
34	10C11	391	Đặng Trần Khải	Thiên	x	Nam	
35	10C11	394	Nguyễn Thanh Trí	Thiện	x	Nam	
36	10C11	403	Phạm Anh	Thơ		Nữ	
37	10C11	404	Tô Huỳnh Bảo	Thơ	x	Nữ	
38	10C11	405	Đỗ Ngọc Anh	Thư		Nữ	
39	10C11	411	Lê Vũ Anh	Thư		Nữ	
40	10C11	431	Nguyễn Tân	Tiến	x	Nam	
41	10C11	439	Võ Bảo	Trâm		Nữ	
42	10C11	444	Hà Hoàng Quế	Trân	x	Nữ	
43	10C11	456	Trần Thị Kiều	Trinh	x	Nữ	
44	10C11	460	Đỗ Xuân	Trường	x	Nam	
45	10C11	505	Hà Thị Phương	Vy	x	Nữ	
46	10C11	509	Phạm Tường	Vy	x	Nữ	
47	10C11	513	Lê Thị Như	Ý		Nữ	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025

Tổ hợp môn học lựa chọn: Vật lý, Tin học, Địa lý, Kinh tế Pháp luật

Chuyên đề học tập: Toán học, Ngữ văn, Vật lý

STT	Lớp	STT hồ sơ	Họ và học sinh		Đăng ký bán trú	Giới tính	Ghi chú
1	10C12	15	Nguyễn Quỳnh	Anh		Nữ	
2	10C12	46	Lê Lâm Chí	Bảo		Nam	
3	10C12	52	Lê Nguyễn Minh	Châu		Nữ	
4	10C12	53	Nguyễn Thị Minh	Châu		Nữ	
5	10C12	61	Nguyễn Văn	Đại		Nam	
6	10C12	64	Lê Hải	Đăng		Nam	
7	10C12	70	Trần Quang	Đạt		Nam	
8	10C12	86	Lưu Công	Dũng		Nam	
9	10C12	107	Trần Ngọc Bảo	Hân		Nữ	
10	10C12	108	Trần Phạm Ngọc	Hân	x	Nữ	
11	10C12	138	Hồ Thị	Hương		Nữ	
12	10C12	139	Phạm Quỳnh	Hương		Nữ	
13	10C12	157	Trần Văn	Khải	x	Nam	
14	10C12	191	Trần Linh	Lâm	x	Nữ	
15	10C12	204	Nguyễn Trần Khánh	Linh	x	Nữ	
16	10C12	206	Vũ Hạ Khánh	Linh		Nữ	
17	10C12	212	Nguyễn Phúc Bảo	Lộc		Nam	
18	10C12	242	Nguyễn Trà	My		Nữ	
19	10C12	271	Nguyễn Thành	Ngọc	x	Nam	
20	10C12	281	Phạm Bảo	Ngọc		Nữ	
21	10C12	284	Trần Như	Ngọc		Nữ	
22	10C12	303	Lê Mai Tuyết	Nhi		Nữ	
23	10C12	307	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi		Nữ	
24	10C12	308	Nguyễn Thị Yến	Nhi		Nữ	
25	10C12	318	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	x	Nữ	
26	10C12	319	Phan Hoàng	Như		Nữ	
27	10C12	332	Nguyễn Thiên	Phúc		Nam	
28	10C12	518	Trịnh Vũ Minh	Quân		Nam	
29	10C12	361	Trần Minh	Quyết		Nam	
30	10C12	10C02	Nguyễn Tiến	Sang		Nam	
31	10C12	372	Bùi Văn	Tài	x	Nam	
32	10C12	517	Đỗ Đắc	Thiện		Nam	
33	10C12	408	Bùi Hoàng Anh	Thư		Nữ	
34	10C12	416	Nguyễn Minh	Thuận		Nam	
35	10C12	418	Nguyễn Anh	Thương		Nam	
36	10C12	429	Nguyễn Ngọc Giáng	Tiên	x	Nữ	
37	10C12	436	Đinh Ngọc	Trâm	x	Nữ	
38	10C12	446	Lê Nguyễn Bảo	Trân		Nữ	
39	10C12	450	Lê Thảo	Trang	x	Nữ	
40	10C12	461	Huỳnh Lê Anh	Tú		Nam	
41	10C12	484	Trần Thị Mỹ	Văn		Nữ	
42	10C12	506	Huỳnh Thanh	Vy		Nữ	
43	10C12	511	Thái Ngọc Phương	Vy		Nữ	
44	10C12	515	Nguyễn Thị Hải	Yến		Nữ	